

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2023
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông M Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tự Trị.
2. Bà Bùi Thị Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Thanh Ng**, sinh năm 2001 (có mặt).

Nơi cư trú: khu vực Long Định, phường LH, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Long H**, sinh năm 1993 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 390 khu vực TX, phường Thới Long, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Trần Thị Thúy O**, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: số 405 khu vực Tân An, phường TH, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

2/ Bà **Trần Thị Oanh M**, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng).

3/ Bà **Dương Thị Ngọc M**, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: số 406 khu vực Tân An, phường TH, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Dương Thị Thanh Ng trình bày: Vào năm 2018 chị và anh Nguyễn Long H tự nguyện yêu thương, được cha mẹ đồng ý tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thới Long, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc có 01 người con chung tên Nguyễn Thiên K (nữ), sinh ngày 14/6/2019. Tuy nhiên, đầu năm 2023 cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, thường bất đồng về tình cảm do không còn tiếng nói chung dẫn đến mất hạnh phúc. Nay, xét thấy không còn tình cảm với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Long H.

Về con chung: có 01 người con chung Nguyễn Thiên K (nữ), sinh ngày 14/6/2019. Hiện nay anh H đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị tiếp tục ổn định con chung cho anh H nuôi dưỡng đến trưởng thành. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Long H có đơn phản tố trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Ng về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung. Tuy nhiên, thời điểm hiện nay giữa anh và chị Ng còn nợ một số người nên anh yêu cầu xem xét giải quyết phần nợ chung giữa anh với chị Ng lúc còn chung sống. Số tiền nợ chung chơi hội tổng cộng là 115.000.000 đồng. Anh yêu cầu được chia mỗi người $\frac{1}{2}$ số nợ này, anh chấp nhận trả 57.500.000 đồng và yêu cầu chị Ng trả 57.500.000 đồng.

1/ Hội bà Trần Thị Thúy O (áp hội 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 20/4/2022).

2/ Hội bà Trần Thị Oanh M (áp hội 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 15/10/2022).

3/ Hội bà Dương Thị Ngọc M (áp hội 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 06/9/2022).

Nay, qua yêu cầu khởi kiện của chị Ng thì anh thống nhất như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh H thuận tình ly hôn với chị Ng.

Về con chung: Thống nhất 01 người con chung tên Nguyễn Thiên K (nữ), sinh ngày 14/6/2019. Anh đồng ý nuôi con chung đến trưởng thành. Thống nhất chị Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: yêu cầu chị Ng trả 57.500.000 đồng.

Bà Trần Thị Thúy O có đơn yêu cầu độc lập trình bày: vào năm 2022 bà là chủ hội vợ chồng ông H, bà Ng là chỗ quen biết nên có tham gia nhiều dây hội do bà làm chủ gồm:

1/ 02 chân hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, khai ngày 09/9/2022 (có 24 hụi viên) bà Ng, ông H đã hốt hết, còn phải đóng hụi chết mỗi chân 05 lần x 02 chân = 10 lần số tiền là 10.000.000 đồng.

2/ 01 chân hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 18/3/2022 (có 23 hụi viên) bà Ng, ông H đã hốt hết, còn phải đóng hụi chết 10 lần số tiền là 10.000.000 đồng.

3/ 02 chân hụi 2.000.000 đồng/01 tháng, khai ngày 20/4/2022 (có 19 hụi viên) bà Ng, ông H đã hốt hết, còn phải đóng hụi chết mỗi chân 07 lần x 02 = 14 lần số tiền là 28.000.000 đồng.

Hiện tại ông H, bà Ng còn nợ tiền hụi chết của bà tổng cộng là 48.000.000 đồng. Nay ông H, bà Ng ly hôn nên bà yêu cầu ông H, bà Ng trả cho bà số tiền 48.000.000 đồng.

Bà Trần Thị Oanh M có đơn yêu cầu độc lập trình bày: vào năm 2022 bà là chủ hụi vợ chồng ông H, bà Ng là chỗ quen biết nên có tham gia nhiều dây hụi do bà làm chủ gồm:

1/ 01 chân hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, khai ngày 02/01/2022 (có 29 hụi viên) bà Ng, ông H đã hốt hết, còn phải đóng hụi chết 22 số tiền là 22.000.000 đồng.

2/ 01 chân hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/10/2022 (có 31 hụi viên) bà Ng, ông H đã hốt hết, còn phải đóng hụi chết 22 lần số tiền là 22.000.000 đồng.

Đồng thời ông H, bà Ng còn mượn của bà số tiền 4.000.000 đồng. Tổng cộng ông H và bà Ng còn nợ tiền hụi và tiền mượn là 48.000.000 đồng.

Nay ông H, bà Ng ly hôn nên bà yêu cầu ông H, bà Ng trả cho bà số tiền 48.000.000 đồng.

Bà Dương Thị Ngọc M có đơn yêu cầu độc lập trình bày: vào năm 2022 bà là chủ hụi vợ chồng ông H, bà Ng là chỗ quen biết nên có tham gia nhiều dây hụi do bà làm chủ gồm:

1/ 02 chân hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, khai ngày 05/4/2022 (có 32 hụi viên) bà Ng, ông H đã hốt hết, còn phải đóng hụi chết 17 lần x 02 = 34 lần số tiền là 34.000.000 đồng.

2/ 01 chân hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 06/9/2022 (có 27 hụi viên) bà Ng, ông H đã hốt hết, còn phải đóng hụi chết 17 lần số tiền là 17.000.000 đồng.

Hiện tại ông H, bà Ng còn nợ tiền hụi chết của bà tổng cộng là 51.000.000 đồng. Nay ông H, bà Ng ly hôn nên bà yêu cầu ông H, bà Ng trả cho bà số tiền 51.000.000 đồng.

Ông H trình bày bổ sung: Đối với phần nợ của bà Oanh, bà Phượng và bà M thì anh thống nhất. Anh yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ số nợ này, anh thống nhất trả cho bà Oanh, bà M và bà M mỗi người $\frac{1}{2}$ số nợ. Yêu cầu bà Ng trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho bà Oanh, bà M và bà M.

Chị Ng trình bày bổ sung: chị không đồng ý trả trả cho bà Oanh, bà M, bà M nợ hụi. Trong các chân hụi của bà Oanh, bà M và bà M thì thời điểm chị với anh H còn chung sống với nhau thì có tham gia chơi hụi. Nhưng những chân hụi này là hụi tháng nhưng gồm lại trả một lần thì chị không đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: chị Dương Thị Thanh Ng và anh Nguyễn Long H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị Ng khởi kiện ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét quan hệ hôn nhân*: chị Dương Thị Thanh Ng và anh Nguyễn Long H chung sống với nhau vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND Phường Thới Long, quận Ô Môn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn. Chị Ng cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị Ng đã bỏ nhà về gia đình cha mẹ ruột của chị từ đầu năm 2023 đến nay. Trong suốt quá trình ly thân không ai quan tâm đến ai. Đồng thời, anh H cho rằng hiện nay chị Ng đã có người đàn ông khác nên anh cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Thanh Ng và anh Nguyễn Long H.

[3] *Về con chung*: có 01 người con tên Nguyễn Thiên K (nữ), sinh ngày 14/6/2019. Giữa chị Ng và anh H thống nhất sau khi ly hôn anh Nguyễn Long H là người trực tiếp nuôi con chung. Chị Dương Thị Thanh Ng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng khi Quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Thiên K đủ 18 tuổi. Đây là vấn đề các đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị Dương Thị Thanh Ng thực hiện quyền này.

[4] *Về tài sản chung*: không có.

[5] *Về nợ chung*: Anh H và chị Ng đều thống nhất thời điểm còn chung sống với nhau có chơi hụi của bà Trần Thị Thúy O, Trần Thị Oanh M, Dương Thị Ngọc M. Hiện nay các dây hụi đều đã hốt và còn nợ các chủ hụi cụ thể như sau:

Nợ bà Trần Thị Oanh M tiền hụi còn pH đóng và tiền mượn tổng cộng là 48.000.000 đồng.

Nợ bà Dương Thị Ngọc M tiền nợ hụi còn phải đóng là 51.000.000 đồng.

Nợ bà Trần Thị Thúy O tiền hụi còn phải đóng 48.000.000 đồng.

Bà Trần Thị Oanh M, bà Dương Thị Ngọc M và bà Trần Thị Thúy O đều có đơn yêu cầu độc lập; yêu cầu anh H và chị Ng trả nợ với các khoản nêu trên. Anh H thống nhất trả ½ số nợ của bà Oanh, bà M và bà M nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với chị Dương Thị Thanh Ng cho rằng các chân hụi của bà Oanh, bà M và bà M chị và anh H có tham gia. Các chân hụi là hụi tháng nên gồm lại trả một lần chị không đồng ý.

Xét thấy, chị Dương Thị Thanh Ng thừa nhận có nợ hụi và nợ tiền mượn của bà Oanh, bà M và bà M nhưng chị Ng không đồng ý trả với lý do chị cho rằng đây là nợ hụi tháng nên chị không đồng ý trả cho bà Oanh, bà M và bà M. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định anh H, chị Ng còn nợ bà Oanh 48.000.000 đồng, nợ bà M 48.000.000 đồng và nợ bà M 51.000.000 đồng là thật.

Như vậy, cần phải buộc chị Dương Thị Thanh Ng, anh Nguyễn Long H mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho bà Oanh, bà M và bà M là phù hợp.

Từ những phân tích trên cho thấy cần phải chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Long H và chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Thúy O, Trần Thị Oanh M và Dương Thị Ngọc M.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm*: các đương sự pH chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 468; 469 và Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thanh Ng.

- Về hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Thanh Ng với anh Nguyễn Long H.

- Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao Nguyễn Thiên K (nữ), sinh ngày 14/6/2019 cho anh Nguyễn Long H trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. chị Dương Thị Thanh Ng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.0000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Thiên K đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Dương Thị Thanh Ng không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Long H về việc buộc chị Dương Thị Thanh Ng phải trả nợ chung.

3/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Thúy O, bà Trần Thị Oanh M và bà Dương Thị Ngọc M.

Buộc chị Dương Thị Thanh Ng và anh Nguyễn Long H mỗi người phải trả cho bà Trần Thị Thúy O 24.000.0000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Buộc chị Dương Thị Thanh Ng và anh Nguyễn Long H mỗi người phải trả cho bà Trần Thị Oanh M 24.000.0000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Buộc chị Dương Thị Thanh Ng và anh Nguyễn Long H mỗi người phải trả cho bà Dương Thị Ngọc M 25.500.0000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Dương Thị Thanh Ng phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003607 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Dương Thị Thanh Ng phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Dương Thị Thanh Ng và anh Nguyễn Long H mỗi người phải chịu 3.675.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Trả lại cho Nguyễn Long H 1.437.000 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003666 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trả lại cho bà Dương Thị Ngọc M 1.275.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003710 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trả lại cho bà Trần Thị Thúy O 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003705 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trả lại cho bà Trần Thị Oanh M 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003706 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẦN NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tự Trị

Bùi Thị Thanh Thảo

M Văn Chính

Nơi nhận:

- VKSND Q.Ô Môn;
- Đường sự;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND (nơi đkkh);
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

M Văn Chính